

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH L1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HS-ST
Ngày: 20-02-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH L1

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L2.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Tr.

Ông Nguyễn Văn Th.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn C – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã K.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc H3 – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh L1 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2024/TLST- HS ngày 17 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Huỳnh Văn T (tên gọi khác T1), sinh ngày 01/01/1970 tại huyện M (nay là thị xã K), tỉnh L1; giới tính: Nam; nơi cư trú: Số G L, khu phố B, thị xã K, tỉnh L1; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1947 (đã chết) và bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1953 (đã chết); vợ: Võ Thị Ái N; Con: có 02 con, sinh năm 1999, 2002; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 26/11/2002 bị Tòa án nhân dân tỉnh L1 xử phạt 06 tháng tù về hành vi đánh bạc tại bản án số 126/HSPT, chấp hành xong vào ngày 12/7/2004, được xóa án tích.

Bị cáo Huỳnh Văn T bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 27/4/2024 đến ngày 27/6/2024.

2. Nguyễn Văn D, sinh ngày 23/4/1993 tại Campuchia; giới tính: Nam; nơi cư trú: Khu phố E, Phường A, thị xã K, tỉnh L1; Quốc tịch: Việt Nam; dân

tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 02/12; nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1955 và bà Lê Thị B, sinh năm 1957; vợ: Nguyễn Thị B1; Con: có 02 con, sinh năm 1999, 2002; Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 26/5/2023 bị Công an thị xã K xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc với số tiền 1.500.000 đồng, đóng phạt vào ngày 25/8/2023.

Bị cáo Nguyễn Văn D bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 27/4/2024 đến ngày 27/6/2024.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Bà Võ Thị Ái N, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Khu phố B, Phường A, thị xã K, tỉnh L1.

+ Ông Phạm Khắc Đ1, sinh năm 1958; Nơi cư trú: Khu phố E, Phường B, thị xã K, tỉnh L1.

+ Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Khu phố D, Phường B, thị xã K, tỉnh L1.

+ Ông Lý Thanh H2, sinh năm 1956; Nơi cư trú: Khu phố E, Phường A, thị xã K, tỉnh L1.

+ Ông Lê Thanh S, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Khu phố D, Phường A, thị xã K, tỉnh L1.

+ Bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Khu phố A, Phường B, thị xã K, tỉnh L1.

Tất cả bị cáo có mặt.

Bà L, ông S vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bà N, ông Đ1, bà H1, ông H2 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 21/12/2023 đến 23/12/2023 Huỳnh Văn T đã bán số đề cho nhiều người cụ thể như sau:

Ngày 21/12/2023, T bán số đề trực tiếp tại nhà cho một người không biết rõ họ tên, địa chỉ với số tiền 2.410.000 đồng, người mua trúng số đề 160.000 đồng. Tổng cộng là 2.570.000 (hai triệu năm trăm bảy mươi ngàn) đồng.

Ngày 22/12/2023, T bán số đề trực tiếp tại nhà và qua điện thoại số tiền 31.575.500 đồng, người mua trúng là 29.280.000 đồng. Tổng cộng là 61.455.500 đồng. cụ thể:

Bán số đề trực tiếp cho khách không nhớ tên được tổng hợp trong 04 phơi đề số 4,5,6,8 gồm: số tiền bán đề 29.125.500 đồng, người chơi trúng 29.288.000 đồng. Tổng cộng là 59.055.500 đồng.

Bán số đề qua điện thoại cho ông Phạm Khắc Đ1 với tiền 2.450.000 đồng. Kết quả không trúng.

Ngày 23/12/2023, T bán số đề trực tiếp tại nhà và qua điện thoại số tiền 12.910.000 đồng, người mua trúng là 16.320.000 đồng. Tổng cộng là 29.230.000 đồng.

Bán số đề trực tiếp tại nhà 14 phôi với số tiền 11.100.000 đồng, người chơi số đề trúng là 15.320.000 đồng. Tổng cộng là 26.420.000 đồng. Xác định được một số người mua đề gồm:

Bà Nguyễn Thị H1 mua số đề của T với số tiền 780.000đ đồng, kết quả bà H1 trúng 800.000 đồng.

Ông Lý Thanh H2 làm nghề chạy xe ôm mua số đề của T với số tiền 24.000 đồng. Kết quả không trúng.

Nguyễn Văn D mua số đề của T với số tiền 1.280.000 đồng. Kết quả Dai trúng 1.600.000 đồng.

T bán số đề qua tin nhắn điện thoại cho 02 người với số tiền 1.810.000 đồng, tiền người là 1.000.000 đồng. Tổng cộng là 2.810.000 đồng. Gồm:

Lê Thanh S mua số đề của T với số tiền 510.000 đồng. Kết quả S trúng 1.000.000 đồng.

Nguyễn Thị Trúc L mua số đề của T với số tiền 1.300.000 đồng. Kết quả không trúng.

Tang vật tạm giữ: 01 phôi đề ngày 21/12/2023; 45 phôi gồm hóa đơn, hui,...phôi đề ngày 22/12/2023; 14 phôi đề ngày 23/12/2023; 01 điện thoại di động Nokia màu xanh, sim số: 0813973900; 15.015.000 đồng tiền Việt Nam và thẻ tiết kiệm số: CX 029268 của ngân hàng TMCP S2-Phòng G số tiền 60.000.000 đồng đứng tên Huỳnh Văn T.

Ngày 23/12/2023 Nguyễn Văn D mua số đề với số tiền 1.280.000 đồng, trúng với số tiền 1.600.000 đồng, tổng cộng tiền dùng để đánh bạc là 2.880.000 đồng. Do ngày 26/5/2023 Công an thị xã K, tỉnh L1 có Quyết định số 47/QĐ-XPHC xử phạt hành chính 1.500.000 đồng đối với D về hành vi đánh bạc (ngày 25/8/2023 Nguyễn Văn D đã đóng phạt), đến ngày 23/12/2023 D tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc nên chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính nên hành vi của D đã cấu thành tội “Đánh bạc”.

Bị cáo Huỳnh Văn T có 01 (một) tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên, 01 (một) tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Bị cáo Nguyễn Văn D không có tình tiết tăng nặng, được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”. Ngoài ra, bị cáo D có ông ngoại là liệt sĩ, hoàn cảnh gia đình khó khăn là thành viên của hộ gia đình nghèo, hộ cận nghèo.

Tại cáo trạng số 23/CT-VKSKT ngày 16/10/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K đã truy tố hành vi của bị cáo Huỳnh Văn T về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm

2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là *Bộ luật Hình sự*); hành vi của bị cáo Nguyễn Văn D về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu trên, tất cả đều thừa nhận việc truy tố là không oan sai. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với tài liệu chứng cứ chứng minh do cơ quan điều tra thu thập được. Các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K sau phần xét hỏi và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử kết luận:

Về tội danh, điều luật, khung hình phạt:

Hành vi của bị cáo Huỳnh Văn T là phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn D là phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt, đề nghị:

Áp dụng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322, điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 35, Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T số tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

Áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36, Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 06- 09 tháng cải tạo không giam giữ, không khấu trừ thu nhập của bị cáo D.

Các bị cáo thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 3 Điều 321 và Điều 322 Bộ luật Hình sự.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động Nokia màu xanh; số tiền 6.102.000 đồng của T sử dụng vào mục đích đánh bạc đang tạm gửi tại Kho bạc Nhà nước thị xã K.

Tiêu huỷ sim số: 0813973900.

Đối với tài sản của T gồm: số tiền 8.913.000 đồng tiền không dùng vào mục đích đánh bạc đang tạm gửi tại Kho bạc Nhà nước thị xã K; 01 thẻ tiết kiệm số: CX 029268 có tiền 60.000.000 đồng của ngân hàng TMCP S2-Phòng G tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

- Lưu hồ sơ vụ án: 01 phơi đề ngày 21/12/2023; 45 phơi gồm hóa đơn, hội,...phơi đề ngày 22/12/2023; 14 phơi đề ngày 23/12/2023.

Đối với ông Phạm Khắc Đ1, bà Nguyễn Thị H1, ông Lý Thanh H2, ông Lê Thanh S và bà Nguyễn Thị Trúc L tham gia đánh bạc nhưng chưa đủ định lượng, chưa có tiền án, tiền sự về hành vi này nên đề nghị không xem xét xử lý hình sự mà chỉ xử phạt hành chính.

Đối với bà Võ Thị Ái N là vợ bị cáo Huỳnh Văn T, bà N không biết việc bị cáo bán số đề nên không xét trách nhiệm liên quan.

Đối với bà Đỗ Thị S1 có chia số đề của Huỳnh Văn T để bán lại qua điện thoại nhưng không xác định được ngày tháng cụ thể, số tiền bao nhiêu nên Công an thị xã K đã yêu cầu tập đoàn C (V) tra cứu số điện thoại nhưng đến nay chưa có kết quả nên không xem xét trong vụ án này.

Các bị cáo thống nhất với tội danh, khung hình phạt mà Kiểm sát viên đã nêu trong bản luận tội, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K.

Các bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Các bị cáo rất ân hận về việc làm của mình, các bị cáo biết hành động như vậy là vi phạm pháp luật. Các bị cáo xin được hưởng khoan hồng của pháp luật để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, trở thành người lương thiện.

Các bị cáo đồng ý công khai bản án lên cổng thông tin điện tử Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bà L, ông S vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bà N, ông Đ1, bà H1, ông H2 vắng mặt không có lý do. Xét, tất cả đã có lời khai tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên căn cứ vào khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án nên có cơ sở xác định:

[3.1]. Vào các ngày 22/12/2023 và 23/12/2023, Huỳnh Văn T tổ chức đánh bạc cho nhiều người bằng hình thức ghi số đề bán trực tiếp và qua điện thoại, với số tiền 44.485.500 đồng, người mua trúng 46.200.000 đồng, tổng số tiền T tổ chức đánh bạc là 90.685.500 đồng. Hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322

Bộ luật Hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh L1 đã truy tố bị cáo về tội danh, điều, khoản nêu trên là có căn cứ.

[3.2]. Vào ngày 23/12/2023, Nguyễn Văn D mua số đề của Huỳnh Văn T với số tiền 1.280.000 đồng, trúng đề số tiền 1.600.000 đồng. Do bị cáo có tiền sự nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh L1 đã truy tố các bị cáo về tội danh, điều, khoản nêu trên là có căn cứ.

[4]. Hành vi nêu trên của các bị cáo xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây dư luận hoang mang trong nhân dân. Do đó, hành vi của các bị cáo cần phải bị xử lý hình sự mới có đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và mang tính phòng ngừa chung cho xã hội.

[4.1]. Đặc điểm chung trong vụ án này là: Cách thức tổ chức đơn giản; quy mô nhỏ lẻ; số tiền đánh bạc rất ít, chỉ có 01 (một) người tham gia cược cao nhất là ông Đ1 tham gia là 2.450.000 đồng, những người còn lại lần lượt là bà L tham gia là 1.300.000 đồng, bị cáo D tham gia là 1.280.000 đồng, ông S tham gia là 1.000.000 đồng, bà H1 là 780.000 đồng, ông H2 tham gia là 24.000 đồng. Nếu so sánh quy mô với hàng loạt đại án về đánh bạc, tổ chức đánh bạc với quy mô hàng chục ngàn tỷ đồng thì quy mô không đáng kể.

[4.2]. Đối với các vi phạm về trật tự quản lý kinh tế cần được tăng cường xử lý bằng hình phạt tiền và các chế tài khác về kinh tế để đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý các vi phạm này. Đối với vụ án này là vi phạm về trật tự công cộng nhưng xét thấy cần thiết vận dụng tinh thần này là vẫn phù hợp. Trong vụ án này có hai bị cáo nên cần thiết làm rõ hành vi, vai trò, tính chất phạm tội của từng bị cáo khi lượng hình.

[5]. Bị cáo T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, động cơ mục đích nhằm thu lợi bất chính từ việc tổ chức đánh bạc ăn thua bằng tiền bằng hình thức ghi số đề. Trong vụ án này bị cáo T có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 (hai) lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ổn định. Tuy nhân thân bị cáo từng bị xét xử về hành vi đánh bạc nhưng đã được xóa án tích và đã diễn ra hơn 21 năm. Đối với các vi phạm về trật tự quản lý kinh tế cần được tăng cường xử lý bằng hình phạt tiền và các chế tài khác về kinh tế để đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý các vi phạm này. Vụ án này là vi phạm về trật tự công cộng nhưng Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết vận dụng tinh thần này là vẫn phù hợp. Do đó, không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, xử phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo cũng đủ tính răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Do đã xử phạt tiền là hình phạt chính đồng thời xét hoàn cảnh kinh tế của bị cáo thu nhập buôn bán nhỏ không ổn định nên không phạt bổ sung.

[6]. Bị cáo D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo D có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là bị cáo chưa có tiền án; có nơi cư trú rõ ràng, ổn định; có ông ngoại là liệt sĩ; hoàn cảnh gia đình khó khăn là thành viên của hộ gia đình nghèo, hộ cận nghèo; trình độ học vấn thấp dẫn đến nhận thức pháp luật kém. Lễ ra cũng xử lý bị cáo D bằng hình phạt tiền và các chế tài khác về kinh tế như nhận định trên. Tuy nhiên, hoàn cảnh kinh tế bị cáo quá khó khăn nên chuyển sang hình thức phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ tính răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung, đồng thời xét hoàn cảnh kinh tế của bị cáo thu nhập không ổn định nên không khấu trừ thu nhập và không phạt bổ sung.

[8]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý như sau:

[8.1]. Việc xử lý vật chứng tại giai đoạn điều tra của cơ quan công an thị xã K là phù hợp quy định pháp luật.

[8.2]. 01 (một) điện thoại di động Nokia màu xanh; số tiền 6.102.000 đồng của T đang tạm gửi tại Kho bạc Nhà nước thị xã K là vật chứng sử dụng vào mục đích đánh bạc nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[8.3]. Sim số 0813973900 là vật chứng sử dụng vào mục đích đánh bạc nên tịch thu tiêu hủy.

[8.4]. 01 phơi đề ngày 21/12/2023; 45 phơi gồm hóa đơn, hội,...phơi đề ngày 22/12/2023; 14 phơi đề ngày 23/12/2023 là các tài liệu chứng cứ của vụ án nên lưu hồ sơ vụ án.

[8.5]. Đối với tài sản của T gồm: số tiền 8.913.000 đồng tiền không dùng vào mục đích đánh bạc đang tạm gửi tại Kho bạc Nhà nước thị xã K; 01 thẻ tiết kiệm số: CX 029268 có tiền 60.000.000 đồng của ngân hàng TMCP S2-Phòng G tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

[9]. Việc bị cáo T tổ chức đánh bạc, bà Võ Thị Ái N không hay biết nên không xem xét xử lý là phù hợp.

[10]. Đối với ông Phạm Khắc Đ1, ông Nguyễn Thị H1, ông Lý Thanh H2, ông Lê Thanh S và bà Nguyễn Thị Trúc L tham gia đánh bạc nhưng chưa đủ định lượng, chưa có tiền án, tiền sự về hành vi này nên không xem xét xử lý hình sự mà chỉ xử phạt hành chính là phù hợp.

[11]. Đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K đối với các bị cáo và các nội dung khác là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

[12]. Án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Huỳnh Văn T phải chịu án phí hình sự

sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn D do thuộc hộ nghèo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Văn T (tên gọi khác T1) phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 35, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T số tiền 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Đánh bạc”.

4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 36, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập cá nhân của bị cáo do thuộc hộ cận nghèo. Thời điểm chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo D được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thị xã K, tỉnh L1 nhận được quyết định thi hành án. Giao bị cáo Nguyễn Văn D cho Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã K, tỉnh L1 giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã K, tỉnh L1 trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

5. Về xử lý vật chứng, căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

5.1. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động Nokia màu xanh; số tiền 6.102.000 (sáu triệu một trăm lẻ hai ngàn) đồng của bị cáo Huỳnh Văn T đang tạm gửi tại Kho bạc Nhà nước thị xã K.

5.2. Tịch thu, tiêu hủy sim số 0813973900 bị cáo Huỳnh Văn T.

5.3. Lưu hồ sơ vụ án: 01 (một) phơi đề ngày 21/12/2023; 45 (bốn mươi lăm) phơi gồm hóa đơn, hội,...phơi đề ngày 22/12/2023; 14 (mười bốn) phơi đề ngày 23/12/2023.

5.4. Tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án đối với tài sản của T gồm: số tiền 8.913.000 (tám triệu chín trăm mười ba ngàn) đồng tiền của bị cáo Huỳnh Văn T đang tạm gửi tại Kho bạc Nhà nước thị xã K; 01 thẻ tiết kiệm của bị cáo Huỳnh Văn T số: CX 029268 có số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng của ngân hàng TMCP S2 - Phòng G.

Tất cả theo quyết định chuyển vật chứng số 17/QĐ-VKSKT ngày 29/11/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K.

6. Căn cứ vào Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Huỳnh Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn D.

7. Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L1;
- VKSND thị xã K;
- Cơ quan THAHS công an thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- Sở Tư pháp;
- Các Bị cáo;
- Người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh L2